

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trang Mai T, sinh năm 1985; Địa chỉ nơi cư trú: phường VT, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1974; Địa chỉ nơi cư trú: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trang Mai T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn P cưới nhau vào năm 2008, trước khi cưới có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 04 năm thì từ đó tới sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình thường xuyên cãi nhau về tiền bạc và anh P dùng những lời lẽ làm xúc phạm gia đình chị và làm cho gia đình chị xấu hổ với xóm giềng nhà bên chị và chị với anh P không còn sống chung đã 05-06 năm. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P, vì chị không còn tình cảm với anh P. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 25/3/2009 và Nguyễn Mai H, sinh ngày 17/11/2011, hiện 02 cháu đang sống với chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị và anh P chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh P chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Thừa nhận quá trình về sống chung với nhau và mâu thuẫn của vợ chồng như lời trình bày của chị Trang Mai T. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 25/3/2009 và Nguyễn Mai H, sinh ngày 17/11/2011, anh đồng ý giao cháu Mai H và cháu Chí K cho chị Mai T tiếp tục nuôi dưỡng, theo nguyện vọng của cháu Mai H và cháu Chí K, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh và chị Mai T chung sống không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị Mai T chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 29/10/2020, cháu Nguyễn Chí K trình bày: “Ba mẹ ly hôn con muốn theo mẹ”.

Tại bản khai ngày 29/10/2020, cháu Nguyễn Mai H trình bày: “Con muốn ở với mẹ”.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trang Mai T được ly hôn với anh Nguyễn Văn P; về con chung: giao con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 25/3/2009; Nguyễn Mai H, sinh ngày 17/11/2011 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng và anh P không phải cấp dưỡng do chị T không có yêu cầu; về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Nguyên đơn chị Trang Mai T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trang Mai T và anh Nguyễn Văn P là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh P, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của chị T thì cuộc sống của chị và anh P không hạnh phúc, nguyên do cuộc sống gia đình thường xuyên cãi nhau về tiền bạc và anh P dùng những lời lẽ làm xúc phạm gia đình chị và làm cho gia đình chị xấu hổ với xóm giềng nhà bên chị và vợ chồng không còn sống chung với nhau từ hơn 05 năm nay. Mặc dù, anh P không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày và từ khi không còn sống chung, chị T và anh P không liên lạc với nhau để bàn bạc, hàn gắn tình cảm. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh P hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ,*

chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được” và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Trang Mai T ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

[4] Về việc nuôi con: Chị Trang Mai T và anh Nguyễn Văn P đã thỏa thuận được với nhau: Chị Mai T được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Chí K và Nguyễn Mai H, anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận giữa chị T và anh P là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trang Mai T và anh Nguyễn Văn P cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang Mai T, cho ly hôn giữa chị Trang Mai T và anh Nguyễn Văn P.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Chị Trang Mai T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Chí K, sinh ngày 25/3/2009; Nguyễn Mai H, sinh ngày 17/11/2011.

2.2. Anh Nguyễn Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Trang Mai T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001414 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng